

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH QUẢNG TRỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương thực hiện  
Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Văn bản số 4460/BKHĐT-TH ngày 13/6/2023 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024; Văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2023 của UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 như biểu đính kèm.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, khóa VIII, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày... tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, Tài chính;
- Kiểm toán NN khu vực II;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh,
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP, TX;
- Lưu VT, KTNS.

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Đăng Quang**

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH  
TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

| TT       | Nội dung/Đơn vị  | KH năm 2024   | Ghi chú  |
|----------|--|---------------|--|
|          | <b>TỔNG SỐ</b>   | <b>97.870</b> |  |
| <b>1</b> | <b>Hỗ trợ thực hiện các đề án (Hỗ trợ thực hiện chương trình phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2022-2025 theo QĐ số 1804/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)</b> | <b>18.270</b> |  |
| <b>2</b> | <b>Hỗ trợ huyện đạt chuẩn NTM</b>  | <b>8.400</b>  |  |
| -        | Huyện Hải Lăng   | 4.200         |  |
| -        | Huyện Triệu Phong  | 4.200         |  |
| <b>3</b> | <b>Hỗ trợ các xã theo tiêu chí</b>   | <b>71.200</b> |  |
| <b>a</b> | <b>Các xã từ 15 đến 18 tiêu chí</b>  | <b>16.800</b> | <b>7 xã</b>  |
| -        | Huyện Triệu Phong (03 xã)  | 7.200         | (03 xã: Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu An)                 |
| -        | Huyện Hải Lăng (01 xã)   | 2.400         | (01 xã: Hải Chánh)                                       |
| -        | Huyện Gio Linh (03 xã)   | 7.200         | (03 xã: Gio Mai, Gio Châu, Hải Thái)                     |
| <b>b</b> | <b>Xã đạt dưới 15 tiêu chí</b>   | <b>4.000</b>  | <b>01 xã</b>   |
| -        | Huyện Đakrông (01 xã)  | 4.000         | (01 xã: Ba Lòng)   |
| <b>c</b> | <b>Các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới</b>  | <b>50.400</b> | <b>63 xã</b>   |
| -        | Huyện Hướng Hóa (05 xã)  | 4.000         | (05 xã: Tân Hợp, Tân Liên, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành) |
| -        | Huyện Đakrông (01 xã)  | 800           | (01 xã: Triệu Nguyên)                                    |

| TT | Nội dung/Đơn vị           | KH<br>năm<br>2024 | Ghi chú   |
|----|---------------------------|-------------------|---|
| -  | Huyện Triệu Phong (14 xã) | 11.200            | (14 xã: Triệu Đại, Triệu Thuận, Triệu Trạch, Triệu Thành, Triệu Giang, Triệu Phước, Triệu Sơn, Triệu Trung, Triệu Thượng, Triệu Tài, Triệu Ái, Triệu Hòa, Triệu Long, Triệu Độ) |
| -  | Huyện Vĩnh Linh (13 xã)   | 10.400            | (13 xã: Kim Thạch, Vĩnh Thủy, Hiền Thành, Trung Nam, Vĩnh Lâm, Vĩnh Hòa, Vĩnh Tú, Vĩnh Sơn, Vĩnh Giang, Vĩnh Long, Vĩnh Chấp, Vĩnh Thái, Vĩnh Hà)                               |
| -  | Huyện Hải Lăng (12 xã)    | 9.600             | (12 xã: Hải Quy, Hải Quế, Hải Định, Hải Sơn, Hải Phong, Hải Trường, Hải Ba, Hải Hưng, Hải Lâm, Hải Phú, Hải Thượng, Hải Dương)  |
| -  | Huyện Gio Linh (10 xã)    | 8.000             | (10 xã: Gio An, Phong Bình, Trung Sơn, Trung Hải, Gio Mỹ, Gio Quang, Linh Hải, Gio Sơn, Trung Giang, Gio Việt)  |
| -  | Huyện Cam Lộ (07 xã)      | 5.600             | (07 xã: Thanh An, Cam Thủy, Cam Hiếu, Cam Tuyên, Cam Thành,, Cam Chính, Cam Nghĩa)  |
| -  | Thị xã Quảng Trị (01 xã)  | 800               | (01 xã: Hải Lệ)   |